TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01849

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Nước cấp, nước thải trong CBTS (206505) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 05/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV101 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (10%)	Điểm thi (80%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	10117247	HỒ TRUNG	TÝ	DH10CT	1	Tý	9,5	9,5	08	8,3	8	3
56	10117250	NGUYỄN THỊ BÉ	VÂN	DH10CT	2	Vân	9,5	9,5	8,5	8,7	8	7
57	10117251	TRƯƠNG THỊ CẨM	VÂN	DH10CT	2	Vân	10	10	8,5	8,8	8	8
58	09117215	LÊ THỊ	VI	DH09CT	1	Vi	10	10	09	9,2	9	2
59	10117252	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VI	DH10CT	1	ngV	10	10	08	8,4	8	4
60	10117254	PHAN THỊ KIM	VIÊN	DH10CT	2	Kim	10	10	08	8,4	8	4
61	09117217	LÊ THANH	VIỆT	DH09CT	2	Việt	9,5	9,5	09	9,1	9	1
62	09117218	LÊ PHÚ	VINH	DH09CT	1	Vinh	9	9	7,5	7,8	7	8
63	09117220	LÊ QUANG	VÕ	DH09CT	1	Võ	10	10	7,5	8,0	8	0
64	10117264	NGUYỄN LA	VỸ	DH10CT	2	Vỹ	9,5	9,5	7,5	7,9	7	9
65	09117226	NGUYỄN THỊ NGỌC	YẾN	DH09CT	2	Ngọc	10	10	8,5	8,8	8	8

Số bài: 65 ; Số tờ: 102

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

PGS.TS. Lê Thanh Hùng

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 5 tháng 5 năm 2012

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01849

Trang 1/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

R 20/6/12

Môn Học : Nước cấp, nước thải trong CBTS (206505) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 05/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV101 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (10 %)	Đ 2 (10 %)	Điểm thi (80%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	09117118	TRẦN THỊ MINH	NGUYỆT	DH09CT	2		9,5	9,5	9,5	9,5	9	5
2	10117143	NGUYỄN THỊ MỸ	NHI	DH10CT	1		9,5	9,5	05	5,9	5	9
3	09117124	NGUYỄN THỊ CẨM	NHUNG	DH09CT	2		10	10	8,5	8,8	8	8
4	10117146	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	DH10CT	1		9,5	9,5	8,5	8,7	8	7
5	10117148	LÊ THỊ KIỀU	NHƯ	DH10CT	2		9,5	9,5	9,5	9,5	9	5
6	09117125	TRẦN THỊ MỘNG	NHƯ	DH09CT	1		10	10	8,5	8,8	8	8
7	09117129	PHẠM THỊ	OANH	DH09CT	2		9,5	9,5	9,5	9,5	9	5
8	09117135	NGUYỄN HỮU	PHÚ	DH09CT	1		9	9	8,5	8,6	8	6
9	10117157	PHAN HOÀNG	PHÚC	DH10CT	1		9,5	9,5	8,5	8,7	8	7
10	09117137	HUỲNH THỊ PHI	PHỤNG	DH09CT	1		10	10	7,5	8,0	8	0
11	10117159	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	DH10CT	1		10	10	05	6,0	6	0
12	09117140	VÕ THỊ	PHƯỜNG	DH09CT	2		9,5	9,5	06	6,7	6	7
13	09117143	LÊ THỊ MINH	PHƯỢNG	DH09CT	2		9,5	9,5	9,5	9,5	9	5
14	09117144	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	DH09CT	2		9,5	9,5	8,5	8,7	8	7
15	09117146	TỐNG MINH	QUANG	DH09CT	1		9,5	9,5	6,5	7,1	7	1
16	10117160	HUỲNH THỊ NGỌC	QUYÊN	DH10CT								

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01832

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Nước cấp, nước thải trong CBTS (206505) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 05/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi T1 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (10%)	Điểm thi (70%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	10117108	PHẠM THỊ NGỌC	LINH	DH10CT	1		9,5	9,5	08	8,3	8	3
56	10117105	PHAN THỊ	LINH	DH10CT	2		9,5	9,5	8,5	8,7	8	7
57	10117106	PHAN THỊ THÙY	LINH	DH10CT	2		9,5	9,5	09	9,1	9	1
58	10117114	NGUYỄN THỊ	MAI	DH10CT	2		9,5	9,5	08	8,3	8	3
59	09117101	PHAN THỊ	MAI	DH09CT	2		9,5	9,5	8,5	8,7	8	7
60	09117102	CHÂU VĂN	MẠNH	DH09CT	1		9	9	08	8,2	8	2
61	09117103	LÊ THỊ	MẾN	DH09CT	2		9,5	9,5	09	9,1	9	1
62	09117105	PHÚN NHỤC	MÙI	DH09CT	2		9	9	8,5	8,6	8	6
63	10117120	NGUYỄN THỊ MINH	MUỘI	DH10CT	2		9,5	9,5	09	9,1	9	1
64	09117109	NGUYỄN THỊ NGỌC	NGA	DH09CT	2		10	10	8,5	8,8	8	8
65	07117099	NGUYỄN KIM	NGÂN	DH08CT	1		9,5	9,5	7,5	7,9	7	9
66	10117131	TẠ KIM	NGÂN	DH10CT	1		9,5	9,5	04	5,1	5	1
67	09117111	THỔ THỊ THÚY	NGÂN	DH09CT	2		9,5	9,5	8,5	8,7	8	7
68	09117113	VÕ LÊ THÚY	NGÂN	DH09CT	1		10	10	07	7,6	7	6
69	09117117	ĐINH THỊ ÁNH	NGUYỆT	DH09CT	1		10	10	04	5,2	5	2
70	10117135	TRẦN THỊ BÍCH	NGUYỆT	DH10CT	2		10	10	10	10	10	0

Số bài:...69.....; Số tờ:...114.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ

Cán bộ coi thi 1&2

T. H Chủng

Duyệt của Trưởng Bộ môn

PGS.TS Lê Thanh Hùng

Cán bộ chấm thi 1&2

TQBing

Ngày 5 tháng 5 năm 2012

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01832

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Nước cấp, nước thải trong CBTS (206505) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 05/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi T1 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (10%)	Điểm thi (80%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	09117054	TRƯƠNG MINH	HIẾU	DH09CT	1		9,5	9,5	07	7,5	7	5
38	09117058	NGUYỄN THỊ QUỲNH	HOA	DH09CT	2		10	10	08	8,4	8	4
39	10117062	DƯƠNG THỊ NGỌC	HÒA	DH10CT	2		10	10	08	8,4	8	4
40	09117060	LÊ THỊ	HÒA	DH09CT	2		9,5	9,5	08	8,3	8	3
41	09117061	NGUYỄN VĂN	HÒA	DH09CT	2		9,5	9,5	08	8,3	8	3
42	09117062	PHẠM VŨ	HOÀI	DH09CT	2		10	10	08	8,4	8	4
43	09117066	ĐOÀN THỊ NHƯ	HOÀNG	DH09CT	2		9,5	9,5	08	8,3	8	3
44	09117067	NGUYỄN VŨ	HOÀNG	DH09CT	1		9,5	9,5	07	7,5	7	5
45	09117068	PHẠM THỊ	HỒNG	DH09CT	0		9,5	9,5	09	9,1	9	1
46	09117070	NGUYỄN THẾ	HUÂN	DH09CT	2		10	10	8,5	8,8	8	8
47	09117076	LÂM THANH	HÙNG	DH09CT	1		9,5	9,5	7,5	7,9	7	9
48	10117074	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	DH10CT	2		9,5	9,5	08	8,3	8	3
49	10117075	VŨ LỆ	HUYỀN	DH10CT	2		9,5	9,5	7,5	7,9	7	9
50	09117083	NGUYỄN THỊ MAI	KHANH	DH09CT	2		10	10	08	8,4	8	4
51	09117091	NGUYỄN THẾ	LẠC	DH09CT	2		10	10	7,5	8,0	8	0
52	09117092	LÊ THỊ NGỌC	LÊ	DH09CT	1		9,5	9,5	8,5	8,7	8	7
53	10117101	ĐỖ THỊ YẾN	LINH	DH10CT	2		9,5	9,5	08	8,3	8	3
54	10117102	LÊ THỊ KIỀU	LINH	DH10CT	2		9,5	9,5	8,5	8,7	8	7

Số bài: 69 ; Số tờ: 114

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

T. Hường

Duyệt của Trưởng Bộ môn

PGS.TS. Lê Thanh Hùng

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 5 tháng 5 năm 2012

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01832

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Nước cấp, nước thải trong CBTS (206505) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 05/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi T1 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (10%)	Điểm thi (70%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	09117032	ĐINH NGUYỄN	DƯƠNG	DH09CT	1		10	10	07	7,6	7	6
20	09117033	NGUYỄN VĂN	ĐẢM	DH09CT	2		9,5	9,5	08	8,3	8	3
21	10117038	LÊ THỊ	ĐAN	DH10CT	2		9,5	9,5	08	8,3	8	3
22	10117041	LƯỜNG THỊ	ĐỊNH	DH10CT	2		10	10	08	8,4	8	4
23	09117036	TRẦN THỊ	ĐINH	DH09CT	2		10	10	08	8,4	8	4
24	09117040	PHAN TẤN	ĐỨC	DH09CT	1		9	9	07	7,4	7	4
25	09117038	TRẦN VĂN	ĐƯỢC	DH09CT	2		10	10	08	8,4	8	4
26	10117045	NGUYỄN THỊ THẢO	EM	DH10CT	1		9,5	9,5	09	9,1	9	1
27	10117046	DƯƠNG THỊ THU	HÀ	DH10CT	2		9,5	9,5	08	8,3	8	3
28	09117045	TRẦN ĐẠI	HẢI	DH09CT	2		9	9	09	9	9	0
29	09117048	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	DH09CT	1		10	10	07	7,6	7	6
30	10117052	HUỲNH VĂN	HẬN	DH10CT	1		9,5	9,5	06	6,7	6	7
31	09117049	PHẠM NỮ MỸ	HẬU	DH09CT	2		10	10	10	10	10	0
32	10117053	TRẦN THỊ THU	HIỀN	DH10CT	1		9,5	9,5	07	7,5	7	5
33	10117058	NGUYỄN TIẾN	HIỆP	DH10CT	1		9,5	9,5	07	7,5	7	5
34	09117053	HỒ TRUNG	HIẾU	DH09CT	1		10	10	07	7,6	7	6
35	10117055	NGUYỄN THỊ THANH	HIẾU	DH10CT	2		9,5	9,5	08	8,3	8	3
36	10117056	NGƯ TRUNG	HIẾU	DH10CT	1		9,5	9,5	08	8,3	8	3

Số bài:.....69.....; Số tờ:..114.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 5 tháng 5 năm 2012

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01832

R 2016/12

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Nước cấp, nước thải trong CBTS (206505) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 05/05/2012 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi T1 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10%)	Đ2 (10%)	Điểm thi (80%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08117001	BÙI THỊ THÚY	AN	DH08CT	2		9,5	9,5	07	7,5	7	5
2	09117004	HUỲNH LÊ NGỌC TRÂM	ANH	DH09CT	2		9,5	9,5	07	7,5	7	5
3	10117004	NGUYỄN THỊ MỸ	ÁNH	DH10CT	2		10	10	10	10	10	0
4	09117006	DƯƠNG BÙI LINH	ÂN	DH09CT	2		9,5	9,5	08	8,3	8	3
5	10117007	NGUYỄN THANH	BÌNH	DH10CT	2		9,5	9,5	09	9,1	9	1
6	10117012	ĐẶNG THỊ LỆ	CHI	DH10CT								
7	10117013	NGUYỄN THỊ KIM	CHI	DH10CT	2		9,5	9,5	10	9,9	9	9
8	10117014	NGUYỄN THỊ LAN	CHI	DH10CT	2		9,5	9,5	10	9,9	9	9
9	09117011	NGUYỄN TRƯỜNG	CHINH	DH09CT	1		9,5	9,5	07	7,5	7	5
10	09117013	VÕ THÀNH MINH	CHÍNH	DH09CT	1		9	9	07	7,4	7	4
11	10117019	PHẠM THỊ	CÚC	DH10CT	2		9,5	9,5	09	9,1	9	1
12	10117024	HUỲNH CHÂU NGỌC	DIỄM	DH10CT	1		9,5	9,5	07	7,5	7	5
13	09117020	NGUYỄN THỊ	DIỄM	DH09CT	2		9	9	08	8,2	8	2
14	09117024	TRẦN THỊ	DIỆU	DH09CT	2		9	9	09	9	9	0
15	07117022	LÊ HOÀNG	DŨNG	DH08CT	1		9,5	9,5	08	8,3	8	3
16	09117028	LÊ PHẠM THANH	DUY	DH09CT	1		9,5	9,5	09	9,1	9	1
17	10117031	CAO LÊ THẢO	DUYÊN	DH10CT	2		9,5	9,5	08	8,3	8	3
18	09117029	TRỊNH THỊ	DUYÊN	DH09CT	2		10	10	08	8,4	8	4

Số bài: 69 ; Số tờ: 114

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

T. H. Chủ

Duyệt của Trưởng Bộ môn

PGS.TS. Lê Thanh Hùng

Cán bộ chấm thi 1&2

TQBình

Ngày 5 tháng 5 năm 2012